

TIP TOP HARDENER E-40



Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Ngày phát hành: 28/04/2004 Ngày sửa đổi: 02/03/2026 Thay thế phiếu: 20/12/2023 Phiên bản: 2.8
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : TIP TOP HARDENER E-40
Mã sản phẩm : 517 8009, 525 1067, 525 1068, 525 1069, 525 1122, 525 1123, 525 1139, 525 1146

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Chất tăng cứng

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

REMA TIP TOP AG
Gruber Strasse, 65
85586 Poing
Đức

T +49 (0) 8121 / 707 - 100

Địa chỉ e-mail của người chịu trách nhiệm có thẩm quyền về Phiếu An toàn Hóa chất: sds@gbk-ingelheim.de

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : INTERNATIONAL: +49 (0) 6132 - 84463, GBK GmbH (24h - 7d/w - 365d/a)

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 2	H225	Theo các dữ liệu kiểm tra
Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 5	H303	Theo các dữ liệu kiểm tra
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê	H336	Phương pháp tính

Văn bản các hạng mục nguy hiểm H : xem Mục 16
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy, Có thể gây ngù gật hoặc choáng váng

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chữ tượng hình cảnh báo nguy hiểm (GHS-UN) :



Từ cảnh báo (GHS UN) : Nguy hiểm
Các thành phần nguy hiểm : Tris(p-isocyanatophenyl) thiophosphat; etyl axetat
Cảnh báo nguy cơ (GHS LHQ) : H225 - Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy
H303 - Có thể có hại nếu ăn phải
H336 - Có thể gây ngù gật hoặc choáng váng
Thông báo phòng ngừa (GHS-UN) : P210 - Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác.
Không hút thuốc.
P233 - Giữ vật chứa đóng chặt kín.
P240 - Nối đất và liên kết bồn chứa và thiết bị tiếp nhận.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

P243 - Có biện pháp để phòng tránh phóng điện tĩnh.
P303+P361+P353 - NẾU ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi ngay toàn bộ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch các chỗ bị ảnh hưởng bằng nước.
P304+P340 - Trong trường hợp hít phải và nếu có triệu chứng khó thở, đưa nạn nhân ra khu vực thoáng khí và giữ nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở nhất.

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Những nguy cơ khác, không ảnh hưởng đến việc phân loại : Các hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ khi tiếp xúc với không khí

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Nhận xét : Chế phẩm chứa thiophosphat trong ethyl acetat

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
etyl axetat	Số CAS: 141-78-6	$\geq 70 - < 75$	Flam. Liq. 2, H225 Eye Irrit. 2, H319 STOT SE 3, H336
Tris(p-isocyanatophenyl) thiophosphat	Số CAS: 4151-51-3	< 30	Acute Tox. 4 (Oral), H302
Benzene, chloro-	Số CAS: 108-90-7	$\geq 0,5 - < 1$	Flam. Liq. 3, H226 Acute Tox. 4 (Inhalation), H332 Skin Irrit. 2, H315 Aquatic Chronic 2, H411

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát : Cởi bỏ ngay tất cả mọi quần áo bị vấy bẩn hoặc vướng đũa. Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nhiễm độc. Nếu có nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng kéo dài, cần phải thông báo ngay cho bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Đòi ra khu vực thông thoáng khí trong trường hợp hít phải hơi của sản phẩm phân hủy. Nếu việc khó thở vẫn kéo dài, cần đến gặp bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Rửa ngay với xà phòng và với nhiều nước. Nếu da vẫn tiếp tục bị kích ứng, tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Rửa lại ngay với nhiều nước trong vòng 15 phút. Tham khảo ý kiến bác sĩ mắt.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Không làm nôn. Enjuagarse la boca. Thông báo ngay cho bác sĩ. Không tự ý cho ói mà không có ý kiến của bác sĩ.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Có thể gây ngứa gât hoặc choáng váng.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Phơi nhiễm lặp lại có thể gây khô và tróc da.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Việc tiếp xúc trực tiếp với mắt có khả năng gây kích ứng.
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : kích ứng màng nhầy. Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Nước phun. Bột khô. Bột. Cacbon đioxit.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : nhiều nước dưới dạng tia.

5.2. Các môi nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Nguy cơ hỏa hoạn : Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy.
Nguy cơ nổ : Sản phẩm không gây nổ. Có thể tạo thành hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Hydrocacbon clo hóa. Hydro xyanua. izoxianat. Oxit photpho. Khí nitơ. Cacbon monoxit. Cacbon đioxit.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Biện pháp phòng chống cháy : Làm mát vật chứa bị nguy hiểm bằng phun phụt nước.
Hướng dẫn cứu hỏa : Dập lửa ở khoảng cách an toàn tại vị trí đảm bảo.
Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.
Các thông tin khác : Hỗn hợp hơi-không khí có nguy cơ gây nổ, ngay cả trong các thùng chứa rỗng chưa được làm sạch. Thu gom riêng nước chữa cháy nhiễm bẩn và không được để chảy vào hệ thống cống thải. Chất cặn từ đám cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm phải được thải bỏ tuân theo những quy định của cơ quan địa phương.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung : Trong trường hợp có gây hơi, cần sử dụng máy hỗ trợ hô hấp thích hợp. Đảm bảo thông thoáng gió hợp lý. Xem mục 8 về vấn đề bảo hộ cá nhân cần thực hiện. Sơ tán nhân viên đến khu vực an toàn. Tránh mọi nguồn có khả năng bắt cháy.

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ. Không gần lửa ngọn, tia lửa và cảm hút thuốc. Tránh hít hơi.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Ngăn không cho lan tràn vào hệ thống cống rãnh hoặc nguồn nước.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa : Lấp và giữ sản phẩm bị vương đổ.
Quy trình làm sạch : Quét hoặc dọn sạch bằng xẻng, cho vào bình đóng kín để tiến hành tiêu hủy. Không đóng kín thùng chứa. Tác động với không khí ẩm và/hoặc với nước làm tăng áp suất trong bình chứa do các cacbon đioxit gây ra. Thấm hút bằng vật liệu gắn kết chất lỏng (vd: cát, đất xốp, các tác nhân gắn kết axit hoặc thông dụng).
Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Giữ bao bì khô ráo và đóng kín để tránh nhiễm bẩn và hút ẩm. Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác. Không hút thuốc. Chôn đất/công-tơ-nơ liên kết và thiết bị nhận. Không sử dụng các công cụ gây tia lửa. Vô cùng cẩn trọng tránh phóng điện tĩnh. Khi bắt cháy có thể có tích tụ trong thùng chứa. Sử dụng thiết bị chống nổ. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc tại nơi có thông gió tốt. Tránh hít hơi.
Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác. Không hít hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Biện pháp kỹ thuật	: Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ. Chôn đất/công-tơ-nơ liên kết và thiết bị nhận.
Điều kiện lưu trữ	: Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh. Bảo quản thùng chứa đóng kín. Khóa lại.
Chất không tương hợp	: Amin. cồn. Axit. bazơ.
Thông tin về việc bảo quản lẫn lộn	: Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Phương pháp theo dõi điện từ

Phương pháp theo dõi điện từ	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể.
Phương pháp giám sát sinh học	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định	: Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường	: Tránh thải ra môi trường.
Các thông tin khác	: Không hít hơi. Rửa tay ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Không ăn, uống và không hút thuốc khi thao tác. Sau đó thoa kem dưỡng da. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Hãy cởi bỏ quần áo bị bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay	: Bảo vệ chống bắn tóe. Khuyến nghị này chỉ đề cập đến tính tương thích hóa học và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm phù hợp với EN 374 được thực hiện trong các điều kiện phòng thí nghiệm. Tùy thuộc vào từng ứng dụng, các yêu cầu khác nhau có thể phát sinh. Vì vậy cần lưu ý đến các khuyến nghị của nhà cung cấp găng tay.
------------	---

Loại	Vật liệu	Quá trình thẩm thấu	Độ dày (mm)	Việc thâm nhập	Tiêu chuẩn
găng tay bảo hộ	Cao su butyl	3 (> 60 phút)	≥ 0,5		EN ISO 374

Bảo vệ mắt	: Chai rửa mắt chứa nước sạch (EN 15154)
------------	--

Loại	Lĩnh vực áp dụng	Đặc tính	Tiêu chuẩn
Mắt kính bảo hộ (EN 166)	Có thể xảy ra hiện tượng bắn chất lỏng		EN 166

Bảo vệ da và cơ thể	:
---------------------	---

Loại	Tiêu chuẩn
Quần áo bảo hộ tay dài	EN ISO 6530

Bảo vệ đường hô hấp	:
---------------------	---

Thiết bị	Loại lọc	Điều kiện	Tiêu chuẩn
Thiết bị bảo hộ hô hấp có lọc chống khí	Loại A - Hấp chất hữu cơ có điểm sôi cao (>65 °C)		EN 14387

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Hình dạng	: Chất lỏng
Màu sắc	: ngà vàng.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

Mùi đặc trưng	: Từ este.
Ngưỡng mùi	: Không có
Điểm nóng chảy	: Không có
Điểm đóng băng	: Không có
Điểm sôi	: $\approx 77^{\circ}\text{C}$
Tính dễ bắt lửa	: Không có
Giới hạn nổ dưới	: 2,2 Vol-%
Giới hạn nổ trên	: 11,5 Vol-%
Điểm cháy	: -4°C DIN 51755
Nhiệt độ tự cháy	: $\approx 460^{\circ}\text{C}$
Nhiệt độ phân hủy	: Không có
pH	: Không có
dung dịch pH	: Không có
Độ nhớt, động học (giá trị được tính) (40°C)	: Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: $\approx 97\text{ hPa @ }20^{\circ}\text{C}$
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: $\approx 1\text{ g/cm}^3 @ 20^{\circ}\text{C}$, DIN 53217
Mật độ tương đối	: Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Độ hòa tan	: Nước: Phản ứng khi tiếp xúc với nước, @ 20°C Axêton: Trộn lẫn được Dung môi hữu cơ: Trộn lẫn với : Dichloromethan
Kích cỡ hạt	: Không áp dụng được.

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Đặc tính nổ	: Sản phẩm không gây nổ. Có thể tạo nên các hỗn hợp hơi-không khí bắt lửa/gây nổ
Tính chất gây cháy	: Không oxy hóa
Lượng VOC	: $< 75\%$ VOC Directive 2004/42/EC - Decorative paints and varnishes
Thông tin bổ sung	: Hàm lượng dung môi $< 75\%$

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Không phân hủy tại điều kiện lưu trữ bình thường. Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Do phản ứng với không khí ẩm và/hoặc nước, áp suất trong thùng chứa có thể tăng lên do sinh ra khí carbon dioxide. Tương tác với : Axit mạnh. chất kiềm. cồn. Amin.

10.4. Điều kiện cần tránh

Để tránh phân hủy do nhiệt, không đun quá nóng. Hỗn hợp không khí/hơi có thể gây nổ trong trường hợp sưởi quá nóng. Khi bị đun nóng, có thể giải phóng các hơi dễ cháy.

10.5. Chất không tương hợp

cồn. Amin. axit và bazơ.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Phân hủy nhiệt có thể tạo : Hydrocacbon clo hóa. Hydro xyanua. Oxit photpho. Oxit nitơ. Cacbon monoxit. Cacbon đioxit. izoxianat.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

- Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa) : Có thể có hại nếu ăn phải.
Độ độc cấp tính (qua da) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

TIP TOP HARDENER E-40	
LD50 qua tiêu hóa chuột	> 2000 mg/kg (phương pháp OECD 423)
Benzene, chloro- (108-90-7)	
ATE UN (khí)	4500 ppmv/4h
ATE UN (hơi)	11 mg/l/4h
ATE UN (bụi, sương)	1,5 mg/l/4h
Tris(p-isocyanatophenyl) thiophosphat (4151-51-3)	
ATE UN (đường uống)	500 mg/kg thể trọng
etyl axetat (141-78-6)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	4935 mg/kg (phương pháp OECD 401)
LD50 qua da thỏ	> 20000 mg/kg thể trọng chuột
LC50 Hít - Chuột	1600 mg/l/4h

- Ấn mòn da/kích ứng da : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Khả năng gây ung thư : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính trên khả năng sinh sản : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần) : Có thể gây ngủ gật hoặc choáng váng.
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy cơ khi hít phải : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : kích ứng màng nhầy. Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn.

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

- Sinh thái - tổng quát : Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng).

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

TIP TOP HARDENER E-40	
LC50 cá 1	Cá ngựa vằn (Brachydanio rerio): Không có tác động độc hại ở dạng dung dịch bão hòa (Phương pháp OECD 203)
EC50 Daphnia 1	Daphnia magna: Không có tác động độc hại ở dạng dung dịch bão hòa (Phương pháp OECD 202)
EC50 72h - Tảo [1]	Scenedesmus subspicatus: Không có tác động độc hại ở dạng dung dịch bão hòa (Phương pháp OECD 201)
EC50 96h - Tảo [1]	> 10000 mg/l Bùn hoạt tính (Phương pháp OECD 209)
etyl axetat (141-78-6)	
LC50 cá 1	230 mg/l Pimephales promelas
NOEC (kính niên)	2,4 mg/l Daphnia magna (bọ chết nước), 21 d

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

TIP TOP HARDENER E-40	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Khó thoái biến sinh học

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

TIP TOP HARDENER E-40	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung.

12.4. Tính lưu động dưới đất

TIP TOP HARDENER E-40	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung.
Sinh thái - đất	Không có thông tin.

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung.
Các thông tin khác	: Không đổ vào trong nguồn nước bề mặt. Tránh cho sản phẩm chảy vào cống. Quá trình phản ứng với nước để tạo ra CO2 và polyurea được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các chất gọi là chất tiêu hủy dạng lỏng (amoniac, soda hoặc cồn kết hợp với xà phòng lỏng). Trong hệ nước, tạo ra các polyurea (polycarbamide) không hòa tan và trở về mặt hóa học.

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Phương pháp xử lý chất thải	: Khuyến khích tái chế thay cho tiêu hủy hoặc thiêu hủy. Có thể được thiêu hủy theo quy định hiện hành của cấp chính quyền địa phương. Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Bao bì bị nhiễm bẩn nên được làm trống tối đa, sau đó có thể tái sử dụng sau khi làm sạch thích hợp. Bao bì không thể làm sạch sẽ được xử lý chất thải như chính chất đó.
Thông tin bổ sung	: Khi bắt cháy có thể có tích tụ trong thùng chứa.




MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
1133	1133	1133
14.2. Tên mã UN		
ADHESIVES	ADHESIVES	Adhesives
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
3	3	3
		
14.4. Phân nhóm đóng gói		
II	II	II
14.5. Ảnh hưởng đến môi trường		
Nguy hiểm cho môi trường: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không Ô nhiễm biển: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG

Số lượng giới hạn (UN RTDG)	: 5L
Số lượng loại trừ (UN RTDG)	: E2
Hướng dẫn đóng gói (UN RTDG)	: P001, IBC02
Quy định đặc biệt liên quan đến việc đóng gói (UN RTDG)	: PP1
Hướng dẫn đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG)	: T4
Quy định đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG)	: TP1, TP8

IMDG

Số lượng hạn chế (IMDG)	: 5 L
Số lượng ngoại lệ (IMDG)	: E2
Hướng dẫn đóng gói (IMDG)	: P001
Quy định đặc biệt về bao bì (IMDG)	: PP1
Hướng dẫn đóng gói bao bì IBC (IMDG)	: IBC02
Hướng dẫn cho bể chứa (IMDG)	: T4
Bố trí chuyên biệt cho xe chứa (IMDG)	: TP1, TP8
Hạng mục hàng hóa (IMDG)	: B

IATA

PCA Số lượng ngoại lệ (IATA)	: E2
PCA Số lượng hạn chế (IATA)	: Y341
PCA số lượng hạn chế thực tối đa (IATA)	: 1L
PCA quy chế đóng gói (IATA)	: 353
PCA số lượng thực tối đa (IATA)	: 5L
CAO quy chế đóng gói (IATA)	: 364
CAO số lượng thực tối đa (IATA)	: 60L
Bố trí đặc biệt (IATA)	: A3
Mã ERG (IATA)	: 3L

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được.

TIP TOP HARDENER E-40

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0026

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 28/04/2004
Ngày sửa đổi : 02/03/2026
Thay thế phiếu : 20/12/2023

Bản đầy đủ của các câu H:	
Acute Tox. 4 (Inhalation)	Độc tính cấp tính (hít), Nhóm 4
Acute Tox. 4 (Oral)	Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 4
Acute Tox. 5 (Oral)	Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 5
Aquatic Chronic 2	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 2
Eye Irrit. 2	Tồn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2
Flam. Liq. 2	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 2
Flam. Liq. 3	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 3
Skin Irrit. 2	Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 2
STOT SE 3	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê
H225	Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy
H226	Chất lỏng và hơi bắt cháy
H302	Gây hại trong trường hợp nuốt phải
H303	Có thể có hại nếu ăn phải
H315	Gây kích ứng da nghiêm trọng
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H332	Gây hại trong trường hợp hít phải
H336	Có thể gây ngù gật hoặc choáng váng
H411	Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kỳ đảm bảo nào cho bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm.